

## TỔNG HỢP ĐỀ THI VÀO 10

### ĐỀ ÔN THI LỚP 10 THPT

### MÔN NGỮ VĂN ĐỀ SỐ 1

**Câu 1** (1 điểm):

Chép lại nguyên văn khổ thơ cuối bài thơ: “Đồng chí” (Chính Hữu)

**Câu 2** (1 điểm):

Đọc hai câu thơ:

*“Ngày xuân em hãy còn dài  
Xót tình máu mủ thay lời nước non”*

(Nguyễn Du- Truyện Kiều)

Từ **xuân** trong câu thứ nhất được dùng theo nghĩa gốc hay nghĩa chuyển? và nghĩa chuyển đó được hình thành theo phương thức chuyển nghĩa nào?

**Câu 3** (3 điểm):

Viết một đoạn văn nghị luận (không quá một trang giấy thi) nêu suy nghĩ của em về đạo lí: “ Uống nước nhớ nguồn” của dân tộc ta.

**Câu 4** – 1 điểm:

Phân tích nhân vật Vũ Nương “Chuyện người con gái Nam Xương” của Nguyễn Dữ. Từ đó em có nhận được điều gì về thân phận và vẻ đẹp của người phụ nữ dưới chế độ phong kiến.

(5 điểm)

**TRẢ LỜI:**

**Câu 1:** Chép lại nguyên văn khổ thơ cuối bài thơ: “Đồng chí” (Chính Hữu) – 1 điểm

*“... Đêm nay rừng hoang sương muối  
Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới  
Đầu súng trăng treo” (Đồng Chí – Chính Hữu)*

**Câu 2:** Đọc hai câu thơ:

*“Ngày xuân em hãy còn dài  
Xót tình máu mủ thay lời nước non”*

(Nguyễn Du- Truyện Kiều)

Từ **xuân** trong câu thứ nhất được dùng theo nghĩa gốc hay nghĩa chuyển? và nghĩa chuyển đó được hình thành theo phương thức chuyển nghĩa nào? (1 điểm)

Từ “**Xuân**” trong câu thứ nhất được dùng theo nghĩa chuyển.

Theo phương thức chuyển nghĩa **ẩn dụ**.

Nghĩa của từ “xuân” -> Thúy Vân còn trẻ hãy vì tình chị em mà em thay chị thực hiện lời thề với Kim Trọng.

**Câu 3:** Viết một đoạn văn nghị luận (không quá một trang giấy thi) nêu suy nghĩ của em về đạo lí: “Uống nước nhớ nguồn” của dân tộc ta. (3 điểm)

Trong kho tàng văn học dân gian Việt Nam, có rất nhiều câu ca dao, tục ngữ nói về triết lí sống của con người. Nhưng có lẽ câu để lại trong em ấn tượng sâu sắc nhất là câu: Uống nước nhớ nguồn”

Câu tục ngữ trên quả thật là một danh ngôn, một lời dạy bảo quý giá. Giá trị của lời khuyên thật to lớn vì nội dung mang màu sắc triết lí.đạo đức bàn về lòng biết ơn, được diễn tả bằng nghệ thuật so sánh ngầm độc đáo, lời văn đơn sơ, giản dị, dễ hiểu, dễ nhớ. Chính vì thế mà câu nói này được được phổ biến mọi nơi, mọi chốn và được truyền tụng từ ngàn đời xưa đến nay.

Càng hiểu ý nghĩa sâu sắc của lời dạy bảo mà ông cha ta muốn truyền lại cho đời sau, chúng ta, thế hệ tương lai của đất nước phải cố gắng học tập, lao động, nhất là rèn luyện những đức tính cao quý trong đó cần phải rèn luyện lòng nhớ ơn cha mẹ, thầy cô, ông bà tổ tiên ....để trở thành con ngoan trò giỏi.

**Câu 4:** Phân tích nhân vật Vũ Nương “Chuyện người con gái Nam Xương” của Nguyễn Dữ. Từ đó em có nhận được điều gì về thân phận và vẻ đẹp của người phụ nữ dưới chế độ phong kiến.

a) **Mở bài:**

*"Nghỉ ngút đầu ghềnh tỏa khói hương  
Miếu ai như miếu vợ chàng Trương  
Bóng đèn dù nhẵn đừng nghe trẻ  
Cung nước chi cho lụy đến nàng"*

(Lê Thánh Tông)

Nguyễn Dữ là học trò của Nguyễn Bình Khiêm, ông sống ở thế kỉ 16, làm quan một năm, sau đó chán cảnh triều đình thối nát xin cáo quan về ở ẩn.

“Truyện kì mạc lục” là tác phẩm văn xuôi đầu tiên của Việt Nam được viết bằng chữ Hán, trong đó truyện đã đề cập đến thân phận người phụ nữ sống trong XHPK mà cụ thể là nhân vật Vũ Nương trong tác phẩm “ Chuyện người con gái Nam xương”

b) **Thân bài:**

Vũ Nương: Đẹp người, đẹp nét:

Tên là Vũ Thị Thiết, quê ở Nam Xương, gia đình “kẻ khó” tính tình thùy mị nét na,lại có thêm tư dung tốt đẹp

Lấy chồng con nhà hào phú không có học lại có tính đa nghi. Sau khi chồng bị đánh bắt đi lính, nàng phải một mình phụng dưỡng mẹ chồng, nuôi dạy con thơ, hoàn cảnh đó càng làm sáng lên những nét đẹp của nàng.

+ Là nàng dâu hiếu thảo: khi mẹ chồng bị ốm, nàng “*hết sức thuốc thang*” “*ngọt ngào khôn khéo khuyên lơn*” “*khi bà mất, nàng “hết lời thương xót”, lo ma chay lễ tế, “như đối với cha mẹ đẻ mình*”

+ Là người vợ đảm đang, giữ gìn khuôn phép, hết mực thủy chung không màng danh vọng: ngày chồng ra trận nàng chỉ mong “Ngày trở về mang theo hai chữ bình yên, thế là đủ rồi” chứ không mong mang được ân phong hầu mặc áo gấm trở về. “Các

biệt ba năm giữ gìn một tiết” “chỉ có cái thú vui nghi gia nghi thất” mong ngày “hạnh phúc xum vầy”

+ Là người mẹ hết mực thương con muốn con vui nên thường trở bóng mình vào vách mà nói rằng đó là hình bóng của cha.

*“Chỉ vì nghe lời trẻ em*

*Cho nên mất vợ rõ buồn chàng Trương”*

Vũ Nương: Người phụ nữ dám phản kháng để bảo vệ nhân phẩm, giá trị của mình: Chồng trở về, bị hàm oan, nàng đã kiên trì bảo vệ hạnh phúc gia đình, bảo vệ nhân phẩm giá trị của mình qua những lời thoại đầy ý nghĩa

Khi chồng không thể minh oan, nàng quyết định dùng cái chết để khẳng định lòng trinh bạch.

Đòi giải oan, kiên quyết không trở lại với cái xã hội đã vùi dập nàng: “Đa tạ tình chàng, thiết chẳng trở về nhân gian được nữa”

Vũ Nương: Bị kịch hạnh phúc gia đình bị tan vỡ và quyền sống bị chà đạp.

Bị kịch này sinh ra khi con người không giải quyết được mâu thuẫn giữa mơ ước khát vọng và hiện thực khắc nghiệt, mặc dù con người hết sức cố gắng để vượt qua, Vũ Nương đẹp người đẹp nét đáng lẽ phải được hưởng hạnh phúc mà lại không được. Vũ Nương đã hết sức cố gắng vun đắp cho hạnh phúc gia đình, hi vọng vào ngày xum vầy, ngay cả khi nó sắp bị tan vỡ. Nhưng cuối cùng nàng đành phải chấp nhận số phận, hạnh phúc gia đình tan vỡ không bao giờ có được, bản thân đau đớn, phải chết một cách oan uổng.

*“Trăm năm bia đá vẫn mòn*

*Ngàn năm bia miệng vẫn còn trơ trơ”*

Những tính cách trên được xây dựng qua nghệ thuật:

Tạo tình huống truyện đầy kịch tính

Những đoạn đối thoại và những lời tự bạch của nhân vật.

Có yếu tố truyền kì và hiện thực vừa hoang đường.

c) Kết bài:

- Nguyễn Dữ thật xứng đáng với vị trí tiên phong trong nền văn xuôi Việt Nam

- Càng văn minh, tiến bộ càng quý trọng những bà mẹ, những người chị “Giỏi việc nước, đảm việc nhà”

*Trăm nghìn gửi lụy tình quân*

*Tơ duyên ngắn ngủi có ngần ấy thôi*

*Phận sao phận bạc như vôi*

*Đã đành nước chảy hoa trôi lỡ làng”*

(Nguyễn Du- Truyện Kiều)

## **ĐỀ SỐ 02**

**Câu 1:** Chép lại nguyên văn khổ cuối bài thơ: “*Tiểu đội xe không kính*” của Phạm Tiến Duật. (1điểm)

**Câu 2:** Tìm từ Hán Việt trong hai câu thơ: (1điểm)

*“Thanh minh trong tiết tháng ba  
Lễ là tảo mộ hội là đạp thanh”*

(Nguyễn Du - Truyện Kiều)

Giải nghĩa từ: **“Thanh minh, đạp thanh”**

**Câu 3:** Viết một đoạn văn nghị luận (không quá một trang giấy thi) trình bày suy nghĩ của em về câu tục ngữ: “Có chí thì nên” (3 điểm)

**Câu 4:** Nghệ thuật miêu tả vẻ đẹp Thúy Kiều của Nguyễn Du qua đoạn trích “Chị em Thúy Kiều” (5 điểm)

**Trả lời:**

**Câu 1:** Chép lại nguyên văn khổ cuối bài thơ: **“Tiểu đội xe không kính”** của Phạm Tiến Duật. (1 điểm)

*“ ...Không có kính, rồi xe không có đèn  
Không có mui, thùng xe có xước  
Xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước  
Chỉ cần trong xe có một trái tim”*

(**Bài thơ về tiểu đội xe không kính – Phạm Tiến Duật**)

**Câu 2:** Tìm từ Hán Việt trong hai câu thơ: (1 điểm)

*“Thanh minh trong tiết tháng ba  
Lễ là tảo mộ hội là đạp thanh”*

(**Nguyễn Du- Truyện Kiều**)

Giải nghĩa từ: **“Thanh minh, đạp thanh”**

a) Từ Hán Việt trong câu thơ: “ Thanh minh, tiết, lễ, tảo mộ, đạp thanh”

b) Giải nghĩa hai từ:

**Thanh minh:** một trong hai mươi bốn tiết của năm, tiết này thường vào khoảng tháng hai hoặc tháng ba âm lịch, người ta đi tảo mộ, tức là đi viếng mộ và sửa sang lại phần mộ của người thân.

**Đạp thanh:** gẫm lên cỏ xanh

**Câu 3:** Viết một đoạn văn nghị luận (không quá một trang giấy thi) trình bày suy nghĩ của em về câu tục ngữ: “Có chí thì nên” (3 điểm)

Sống phải có bản lĩnh. Nhờ có bản lĩnh mà ta có thể vượt qua mọi thử thách trên đường đời và đi tới thành công. Nói về bản lĩnh sống, dân gian có câu tục ngữ thật là chí lí: “Có chí thì nên”

“Có chí” thì mới có thể chịu đựng được, đứng vững trước mọi thử thách khó khăn, không bị gục ngã trước thất bại tạm thời. Đi học, đi làm, sản xuất, kinh doanh.....vv đều cần đến chí. Chí càng cao sức càng bền mới đi đến thành công. Đường đời khó khăn nên ta phải có chí. Đường xa, núi cao, dốc thẳm, sông sâu, thuyết dày ...v.v. phải có chí vượt qua. Đi thi là phải có chí quyết tâm thì mới thành công. “Dốc núi cao, nhưng lòng quyết tâm còn cao hơn núi” “Nước chảy đá mòn” “Kiến tha lâu cũng đầy tổ” “Có công mài sắc có ngày nên kim”. Tất cả đều nói lên cái chí.

Tuổi trẻ của chúng ta trên đường học tập, tiến quân vào mặt trận khoa học kĩ thuật cũng phải có chí mới có thể thực hiện được ước mơ hoài bão của mình, mới có thể đem tài đức góp phần xứng đáng vào công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Học tập theo câu tục ngữ: “Có chí thì nên” ta càng thấm thía lời dạy của Bác Hồ:

*“Không có việc gì khó  
Chỉ sợ lòng không bền  
Đào núi và lấp biển  
Quyết chí ắt làm nên”*

**Câu 4:** Nghệ thuật miêu tả vẽ đẹp Thúy Kiều của Nguyễn Du qua đoạn trích “Chị em Thúy Kiều” (5 điểm)

*“Chạnh thương cô Kiều như đời dân tộc  
Sắc tài sao mà lắm chuân chuyên”*

**a) Mở bài:**

- Giới thiệu tác giả, tác phẩm, vị trí đoạn trích, sơ lược nội dung đoạn trích.
- Nghệ thuật miêu tả nhân vật đặc sắc của Nguyễn Du vừa mang nét truyền thống vừa mang những nét sáng tạo riêng. Thể hiện tình yêu thương con người đặc biệt là đối với phụ nữ.

**b) Thân bài:**

Hình ảnh của chị em Thúy Kiều qua ngôn ngữ của Nguyễn Du

- Bốn câu đầu giới thiệu vẽ đẹp chung của chị em Thúy Kiều về vai vế, sắc đẹp và tính cách của hai người. Vẽ đẹp chung của chị em Thúy Kiều, qua ngòi bút sắc bén của Nguyễn Du

*Đầu lòng hai ả Tố Nga  
Thúy Kiều là chị, em là Thúy Vân  
Mai cốt cách, tuyết tinh thần*

*Mỗi người một vẻ, mười phân vẹn mười.*

- Bốn câu tiếp theo tiếp theo: Miêu tả vẽ đẹp của Thúy Vân. So sánh với những hình ảnh để làm nổi bật sắc đẹp của Thúy Vân. Lồng vào việc miêu tả hình dáng, nhà thơ đề cập đến tính cách “Trang trọng”

*Vân xem trang trọng khác vời  
Khuôn trăng đầy đặn, nét ngài nở nang  
Hoa cười ngọc thốt, đoan trang  
Mây thua nước tóc, tuyết nhường màu da*

- Miêu tả Thúy Kiều

+ Dựa vào Thúy Vân làm chuẩn, Thúy Vân “sắc sảo mặn mà” thì Thúy Kiều “càng sắc sảo mặn mà” hơn với

*Làn thu thủy, nét xuân sơn  
Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh  
Một hai nghiêng nước nghiêng thành*

+ Phép so sánh được vận dụng để làm tăng thêm sắc đẹp của Kiều . Mượn thơ của Lý Diên Niên “Nhất cố khuynh nhân thành, tái cố khuynh nhân quốc” để khẳng định thêm sắc đẹp ấy.

- Tính cách thì “Sắc đành đòi một, tài đành học hai:

+ Tạo hóa đã phú cho nàng trí thông minh. đa tài, thơ, đàn, ca, vẽ, những thứ tài mà trong chế độ phong kiến ít có phụ nữ nào có nếu không bảo là điều cấm kị.

+ Nhà thơ còn báo trước cuộc đời bạc mệnh khi đề cập đến sở thích nhạc buồn của Nàng. Kiều trở thành nhân vật của thuyết: “tài mệnh tương đố”

+ Tả qua thái độ ghen ghét , đố kị của thiên nhiên “hoa ghen” “liều hờn”.

\_ Bốn câu thơ cuối: Tính cách đạo đức, hoàn cảnh sống của hai nàng, nhân nhã, trang trọng.

*Phong lưu rất mực hồng quần  
Xuân xanh xấp xỉ tới tuần cập kê  
Êm đềm trướng rủ màn che  
Tường đông ong bướm đi về mặc ai.*

### c) Kết bài:

- Nguyễn Du là người thầy của văn miêu tả con người

- Kính phục, học tập ở nhà thơ để giữ gìn sự trong sáng và cái hay của Tiếng Việt.

## **Đề thi tuyển sinh lớp 10 môn Văn số 1**

**Câu 1:** Giải thích ý nghĩa của thành ngữ sau và cho biết thành ngữ đó có liên quan đến phương châm hội thoại nào:

- Nói sòng sảng

**Câu 2:** Trình bày xuất xứ truyện “Chuyện người con gái Nam Xương”.

**Câu 3:** Viết văn bản nghị luận (khoảng một trang giấy) về chủ đề an toàn giao thông.

**Câu 4:** Nêu cảm nghĩ của em sau khi học bài “Phong cách Hồ Chí Minh” của tác giả Lê Anh Trà.

## **Gợi ý đáp án Đề thi tuyển sinh lớp 10 môn Văn số 1**

### **Câu 1:**

- Nói sòng sảng

- Ý nghĩa: thiếu sự nhã nhặn, thiếu sự tế nhị tối thiểu.

- Phương châm hội thoại liên quan: phương châm lịch sự.

### **Câu 2: Xuất xứ tác phẩm “Chuyện người con gái Nam Xương”.**

Chuyện người con gái Nam Xương là một trong hai mươi truyện (truyện thứ mười sáu) in trong tác phẩm Truyền kì mạn lục. Truyền kì mạn lục (nghĩa là ghi chép tản mạn những điều kì lạ vẫn được lưu truyền). Tác phẩm viết bằng chữ Hán, khai thác

các truyện cổ dân gian và các truyền thuyết lịch sử, dã sử của Việt Nam. Nhân vật chính thường là những người phụ nữ đức hạnh, khao khát cuộc sống yên bình, hạnh phúc nhưng các thế lực bạo tàn và cả lễ giáo khắc nghiệt lại xô đẩy họ vào những cảnh ngộ éo le, oan khuất, bất hạnh.

### **Câu 3: Viết văn bản nghị luận về chủ đề an toàn giao thông.**

Đây là dạng bài nghị luận xã hội. Khi làm bài tập này, các em cần đảm bảo được hai yêu cầu chính sau đây:

\* Về hình thức: Trình bày bài viết đúng với yêu cầu của đề: văn bản nghị luận gồm có ba phần (mở bài, thân bài và kết bài) vào khoảng một trang giấy.

\* Về nội dung: Bài làm cần đảm bảo được một số ý sau:

- Thế nào là an toàn giao thông?

An toàn giao thông là yên ổn, tránh được tai nạn, tránh được thiệt hại trong quá trình tham gia giao thông.

- Tác hại của tai nạn giao thông: Mất an toàn giao thông đang là tình trạng phổ biến đáng báo động ở nước ta hiện nay. Tai nạn giao thông xảy ra liên tục ở các địa phương, đặc biệt là xảy ra ở các trục đường giao thông chính quan trọng và các thành phố lớn. Giao thông đường bộ, đường thủy, đường sắt... thường xuyên xảy ra tai nạn. Ví dụ: Theo báo cáo của Ủy ban An toàn giao thông quốc gia trong 6 tháng đầu năm 2009 toàn quốc xảy ra 6.231 vụ tai nạn giao thông. Cụ thể:

+ Tai nạn giao thông đường bộ: 5.648 vụ. Tai nạn giao thông đặc biệt nghiêm trọng: 85 vụ (chết 253 người, bị thương 246 người).

+ Tai nạn giao thông đường sắt: 232 vụ (chết 99 người, bị thương 137 người).

+ Tai nạn giao thông đường thủy: 111 vụ (chết 125 người, bị thương 60 người).

+ Tai nạn hàng hải: 21 vụ (chết 6 người, bị thương 10 người).

- Bàn bạc mở rộng:

+ Hậu quả do tai nạn giao thông gây ra:

- Nhiều người thiệt mạng.
- Những người bị thương trở thành gánh nặng cho gia đình.
- Thiệt hại về vật chất.
- Gây ùn tắc giao thông, ảnh hưởng đến sức khỏe, công việc của nhiều người.

+ Làm thế nào để lập lại an toàn giao thông?

- Xây dựng hạ tầng cơ sở giao thông.
- Nâng cao chất lượng các phương tiện giao thông.
- Đào tạo một cách bài bản những người làm chủ phương tiện giao thông.

- Giáo dục cho mọi người để nâng cao ý thức trong quá trình tham gia giao thông, phải chấp hành đúng luật lệ giao thông.

+ Liên hệ bản thân:

- Nghiêm túc chấp hành luật giao thông.

- Nhắc nhở mọi người xung quanh cùng thực hiện tốt luật giao thông

#### **Câu 4: Cảm nghĩ sau khi học bài “Phong cách Hồ Chí Minh”.**

Bài làm cần trình bày được những ý sau:

**1. Đặt vấn đề:** Giới thiệu một vài nét về tác giả, tác phẩm

- *Phong cách Hồ Chí Minh được trích từ Phong cách Hồ Chí Minh, cái vĩ đại gắn với cái giản dị, trong Hồ Chí Minh và văn hoá Việt Nam, Viện Văn hoá xuất bản, Hà Nội, 1990.*

- Bài *Phong cách Hồ Chí Minh* đã giúp ta thấy Bác có lối sống rất bình dị, rất Việt Nam và rất phương Đông.

**2. Giải quyết vấn đề**

**a) Cảm phục trước vốn tri thức sâu rộng của Bác**

- Bác đã đi nhiều nước trên thế giới, tiếp xúc với nhiều nền văn hóa cả phương Đông và phương Tây

- Người nói và viết thạo nhiều thứ tiếng nước ngoài: Pháp, Anh, Hoa, Nga..

- Người làm nhiều nghề khác nhau.

Ở đâu, Người cũng học hỏi, tìm hiểu văn hóa, nghệ thuật đến một mức khá uyên thâm. Người tiếp thu mọi cái đẹp, mọi cái hay của các nước. Điều đặc biệt là, tất cả các ảnh hưởng quốc tế không phải được học học một cách máy móc mà được nhào nặn với cái gốc văn hóa dân tộc không gì lay chuyển được ở Người, để trở thành một nhân cách rất Việt Nam, một lối sống rất bình dị, rất Việt Nam, rất phương Đông, nhưng đồng thời cũng rất mới, rất hiện đại.

**b) Cảm phục trước lối sống rất bình dị, rất phương Đông của Bác**

- Nơi ở, làm việc của Ngài là căn nhà sàn bên cạnh cái ao: có phòng tiếp khách, phòng ngủ, phòng làm việc.

- Trang phục của Người hết sức giản dị: bộ quần áo bà ba nâu, chiếc áo trấn thủ, đôi dép lốp..

- Người ăn uống rất đạm bạc: cá kho, rau luộc, cà ghém, dưa muối...

**3. Kết thúc vấn đề**

- Cảm phục và học tập cách sống giản dị, thanh cao của Bác.

- Cảm phục và học tập tính học hỏi, nghiên cứu của Người khi có điều kiện tiếp xúc với các nền văn hóa của các nước trên thế giới



